

KẾ HOẠCH
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG TH-THCS ĐỊNH AN
GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 .

Để thực hiện đường lối đổi mới giáo dục, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo liên quan đến sự nghiệp đổi mới Giáo dục Việt Nam:

Luật giáo dục năm 2019 (Luật số 43/2019/QH14, ban hành ngày 14/06/2019).

Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo

Nghị quyết số 248/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

Trên cơ sở đó, đòi hỏi các cơ sở giáo dục phải xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường trong từng thời kỳ, từng giai đoạn để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và nhân dân đã giao phó.

Trường TH-THCS Định An xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2026 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2035 đây là sự tiếp nối của Chiến lược phát triển trường THCS Định An giai đoạn từ 2020 - 2025 trước đây.

Trường TH-THCS Định An được thành lập theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của UBND xã Dầu Tiếng khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp. Nhà trường hiện nay có quy mô trường hạng 2, các năm vừa qua chất lượng đào tạo của nhà trường ngày càng được nâng cao nên đã tạo được niềm tin ở phụ huynh và học sinh.

Đáp ứng với yêu cầu ngày càng cao của xã hội đối với chất lượng giáo dục, đội ngũ sư phạm trường TH-THCS Định An luôn nhiệt tình và tâm huyết với nghề nghiệp, ứng dụng công nghệ thông tin, cải tiến phương pháp dạy học để góp phần nâng cao chất lượng dạy và học.

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của nhà trường và hoạt động của Ban Giám hiệu cũng như toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường.

Xây dựng và triển khai Kế hoạch chiến lược phát triển của trường TH-THCS Định An là hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng và phát triển nhà trường. Tập thể sư phạm nhà trường quyết tâm xây dựng nhà trường phát triển vững

mạnh về mọi mặt, góp phần xây dựng ngành giáo dục xã Dầu Tiếng nói riêng và thành phố Hồ Chí Minh nói chung phát triển theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Học sinh

1.1. Điểm mạnh

- Học sinh của trường thuộc vùng nông thôn đa số các em chăm và ngoan.
- Ban đại diện cha mẹ học sinh, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường luôn quan tâm, tạo mọi điều kiện tốt nhất để hỗ trợ học sinh, nhất là những học sinh nghèo vượt khó học giỏi hàng năm.

1.2. Hạn chế

- Một bộ phận học sinh chưa có ý thức tự giác trong học tập và rèn luyện của bản thân.
- Một số cha mẹ học sinh chưa quan tâm đến việc học tập và rèn luyện của con em, chưa phối hợp với nhà trường để giáo dục các em thành con ngoan, trò giỏi.

2. Đội ngũ

2.1. Điểm mạnh

- Đội ngũ giáo viên nhiệt tình, ham học hỏi, thường xuyên trao đổi kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn.
- 95.3 % giáo viên đạt chuẩn theo quy định của luật giáo dục năm 2019, chất lượng chuyên môn nghiệp vụ sư phạm của giáo viên đã đáp ứng được yêu cầu đổi mới.
- Giáo viên của trường tận tâm với công việc, tận tụy vì học trò, nhiệt tình, gắn bó và mong muốn nhà trường ngày càng phát triển.
- Nhân viên có trình độ đáp ứng được yêu cầu công việc, đảm bảo công tác hành chính của nhà trường hoạt động tốt

2.2. Hạn chế

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin của một số giáo viên lớn tuổi còn hạn chế, chưa theo kịp với tốc độ chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay.

3. Cơ sở vật chất, thiết bị

3.1. Điểm mạnh

- Phòng học và các phòng chức năng được xây dựng kiên cố phù hợp với từng cấp học, phòng học đạt chuẩn, thông thoáng.
- Phòng thí nghiệm, thực hành đầy đủ các thiết bị để phục vụ cho công tác dạy và học.
- Các phòng làm việc được trang bị máy móc đầy đủ.

3.2. Hạn chế

- Thiết bị dạy học theo chương trình GDPT 2018 còn hạn chế, kinh phí hạn chế nên việc mua sắm thiết bị không thể thực hiện ngay mà phải trang bị dần theo từng năm.
- Khả năng vận dụng các thiết bị dạy học công nghệ của giáo viên còn yếu nên chưa khai thác hết công năng của các thiết bị mới.

4. Tài chính

4.1. Điểm mạnh

- Tài chính của nhà trường được công khai minh bạch, rõ ràng, đầy đủ. Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường được bổ sung, điều chỉnh theo từng năm cho phù hợp với quy định của pháp luật và được thông qua tại Hội nghị viên chức đầu năm học.
- Không có tình trạng lạm thu trong nhà trường.

4.2. Hạn chế

Kinh phí hoạt động trong nhà trường còn hạn hẹp do phải chi trả cho công tác thuê mướn bảo vệ, phục vụ của đơn vị.

5. Tổ chức dạy học

5.1. Điểm mạnh

- Thực hiện chương trình giáo dục, kiểm tra đánh giá theo đúng quy chế và đúng tiến độ.
- Kết quả học tập của học sinh tương đối ổn định qua các năm học.

5.2. Hạn chế

- Thực hiện đổi mới phương pháp chưa đồng bộ, một số ít giáo viên còn lúng túng trong việc áp dụng phương pháp mới.
- Năng lực bồi dưỡng học sinh giỏi của giáo viên còn hạn chế.
- Một số ít giáo viên chưa theo kịp yêu cầu đổi mới giáo dục, quản lý học sinh chưa tốt, sự tin nhiệm của học sinh và đồng nghiệp còn thấp.
- Nhà trường không có giáo viên chuyên trách quản lý mảng nề nếp của học sinh, việc quản lý chủ yếu là giáo viên chủ nhiệm nên việc xử lý học sinh vi phạm đôi lúc còn chưa kịp thời do giáo viên chủ nhiệm còn phải lên lớp.

6. Lãnh đạo và quản lý

6.1. Điểm mạnh

- Có tinh thần trách nhiệm cao, tâm huyết với trường, hết lòng vì tập thể và học sinh.
- Được sự tin nhiệm và tin tưởng của cán bộ, giáo viên và nhân viên trong nhà trường.
- Nhiệt tình, năng động, làm việc đúng quy chế và có kế hoạch, phương pháp làm việc khoa học.
- Dự báo được tình hình, kiên quyết và nghiêm túc trong công tác.

- Quan tâm chăm sóc đến đời sống cán bộ, giáo viên và nhân viên.

6.2. Hạn chế

- Khối lượng công việc nhiều nên việc tham gia giảng dạy đôi lúc còn chưa đạt hiệu quả.

7. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

7.1. Đội ngũ giáo viên

Cấp THCS

STT	Tổ chuyên môn	Chuyên môn	Giáo viên		Đảng viên	Biên chế		Trình độ		
			Tổng số	Nữ		Biên chế	Hợp đồng	Cao đẳng	Đại học	Thạc sĩ
1	Khoa học tự nhiên	Toán	3	1	2	3			3	
		Vật lí	2	2	0	2		1	1	
		Hóa học	1	0	1	1			1	
		Sinh học	2	2	2	2			2	
		Tin học	1	0	0	1			1	
		GDTC	1	0	1	1			1	
2	KHXã hội	Ngữ Văn	3	3	3	3			2	1
		Lịch sử	1	0	1	1			1	
		Địa lí	1	1	1	1			1	
		GDCD	1	1	1	1			1	
		Âm nhạc	1	1	0	1			1	
		Mĩ thuật	1	1	0	1			1	
		Đội	1	1	0	1			1	
		Tiếng Anh	2	1	1	2			2	
Tổng cộng			21	14	13	21		1	19	1

Cấp tiểu học

STT	Chuyên môn	Giáo viên		Đảng viên	Biên chế		Trình độ		
		Tổng số	Nữ		Biên chế	Hợp đồng	Cao đẳng	Đại học	Thạc sĩ
1	Dạy lớp	18	15	10	18		1	17	
2	Tin học	1		1	1			1	
3	GDTC	2	1	1	2			2	
4	Tiếng Anh	2	2	1	2			2	
Tổng cộng		23	18	13	23		1	22	

7.2. Đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên

TT	Bộ phận	Số lượng		Đảng viên	Biên chế	Hợp đồng	Trình độ đào tạo			
		T. số	Nữ				ĐH	CĐ	TC	Khác
1	Cán bộ quản lý	3	1	3	3		3			
2	Thiết bị									
3	Kế toán	1	1		1			1		
4	Văn thư	1	1		1			1		
5	Thư viện									
6	Y tế	1	1	1	1			1		
7	Phục vụ	2	2			2				
8	Bảo vệ	4				4				
Tổng		12	6	4	6	6	3	3		

8. Chất lượng học sinh

Kết quả học tập và rèn luyện năm học 2024 - 2025

Cấp THCS

STT	Lớp	Sĩ số	Kết quả học tập							
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG		334	35	10,48%	90	26,95%	193	57,78%	16	4,79%
Khối 6		100	10	10,00%	34	34,00%	52	52,00%	4	4,00%
1	6A1	34	2	5,88%	9	26,47%	22	64,71%	1	2,94%
2	6A2	34	3	8,82%	9	26,47%	19	55,88%	3	8,82%
3	6A3	32	5	15,63%	16	50,00%	11	34,38%	0	0,00%
Khối 7		99	13	13,13%	24	24,24%	55	55,56%	7	7,07%
4	7A1	33	5	15,15%	8	24,24%	18	54,55%	2	6,06%
5	7A2	32	5	15,63%	7	21,88%	18	56,25%	2	6,25%
6	7A3	34	3	8,82%	9	26,47%	19	55,88%	3	8,82%
Khối 8		82	6	7,32%	24	29,27%	47	57,32%	5	6,10%
7	8A1	43	4	9,30%	13	30,23%	24	55,81%	2	4,65%
8	8A2	39	2	5,13%	11	28,21%	23	58,97%	3	7,69%
Khối 9		53	6	11,32%	8	15,09%	39	73,58%	0	0,00%
9	9A1	26	3	11,54%	3	11,54%	20	76,92%	0	0,00%
10	9A2	27	3	11,11%	5	18,52%	19	70,37%	0	0,00%

STT	Lớp	Sĩ số	Kết quả rèn luyện							
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG		334	259	77,54%	73	21,86%	2	0,60%	0	0,00%
Khối 6		100	76	76,00%	24	24,00%	0	0,00%	0	0,00%
1	6A1	34	30	88,24%	4	11,76%	0	0,00%	0	0,00%
2	6A2	34	17	50,00%	17	50,00%	0	0,00%	0	0,00%
3	6A3	32	29	90,63%	3	9,38%	0	0,00%	0	0,00%
Khối 7		99	69	69,70%	29	29,29%	1	1,01%	0	0,00%
4	7A1	33	26	78,79%	7	21,21%	0	0,00%	0	0,00%
5	7A2	32	24	75,00%	8	25,00%	0	0,00%	0	0,00%
6	7A3	34	19	55,88%	14	41,18%	1	2,94%	0	0,00%
Khối 8		82	68	82,93%	13	15,85%	1	1,22%	0	0,00%
7	8A1	43	33	76,74%	9	20,93%	1	2,33%	0	0,00%
8	8A2	39	35	89,74%	4	10,26%	0	0,00%	0	0,00%
Khối 9		53	46	86,79%	7	13,21%	0	0,00%	0	0,00%
9	9A1	26	24	92,31%	2	7,69%	0	0,00%	0	0,00%
10	9A2	27	22	81,48%	5	18,52%	0	0,00%	0	0,00%

Cấp tiểu học

+ Hoàn thành xuất sắc: 86/368 (Tỷ lệ 23,3%)

+ Hoàn thành tốt: 16/368 (Tỷ lệ 4,3%)

+ Hoàn thành: 258/368 (Tỷ lệ 70,1%)

+ Chưa hoàn thành: 8/368 (Tỷ lệ 2,2%)

- Đánh giá phẩm chất và năng lực: 100% học sinh được đánh giá mức **Tốt** và **Đạt**. (368/368)

- Tỷ lệ hoàn thành chương trình tiểu học hàng năm luôn đạt 100%

9. Cơ sở vật chất

Cấp THCS

- Tổng diện tích mặt bằng 25 000 m²;
- Phòng học: 10 phòng, có đủ bàn ghế phù hợp với độ tuổi học sinh THCS
- Phòng bộ môn: 10 phòng, có đầy đủ các bộ thực hành, thí nghiệm phục vụ cho công tác dạy và học
- Phòng thư viện: 01 phòng
- Phòng y tế: 01 phòng
- Phòng Đội: 01 phòng
- Phòng STEM: 01 phòng
- Phòng họp tổ: 2 phòng
- Khu nhà Hiệu bộ, trong đó:
 - + Phòng Hội đồng: 01
 - + Phòng Hiệu trưởng: 01
 - + Phòng Phó Hiệu trưởng: 01
 - + Phòng Công đoàn: 01
 - + Phòng Kế toán: 01
 - + Phòng Văn thư: 01
 - + Phòng truyền thống: 01
 - + Phòng tư vấn học đường: 01

Cấp tiểu học

- Tổng diện tích: 17.515 m², có sân chơi, bãi tập, khối phòng học, phòng phục vụ học tập, khu vệ sinh.
- Phòng học: 30 phòng
- Phòng phục vụ học tập: 06 phòng (1 phòng Tiếng Anh, 1 phòng Tin học, 1 phòng Thư viện, 1 phòng thiết bị, 1 phòng đọc sách, 1 phòng âm nhạc);
- Khối phòng hành chính quản trị: 10 phòng. Trong đó:
 - + Phòng Hiệu trưởng: 01
 - + Phòng phó Hiệu trưởng: 01
 - + Phòng Y tế: 01
 - + Văn phòng: 01
 - + Phòng hội đồng: 01
 - + Phòng truyền thống Đội: 01
 - + Phòng Hội trường: 01
 - + Phòng nghỉ của giáo viên: 03

Cơ sở vật chất đáp ứng được yêu cầu tối thiểu cho hoạt động dạy và học.

II. MÔI TRƯỜNG BÊN NGOÀI

1. Cơ chế, chính sách, pháp luật

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo
- Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng
- Luật Giáo dục (Luật số 43/2019/QH14 ngày 14/06/2019)
- Luật Viên chức (Luật số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010)
- Luật Ngân sách Nhà nước (Luật số 83/2015/QH13 ngày 25/06/2015)
- Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022, phê duyệt chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình giáo dục phổ thông
- Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông
- Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn Hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030
- Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30/12/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
- Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

1.1. Thuận lợi

- Đảng và Nhà nước nhận thức rõ sự tất yếu, cần thiết và quyết tâm cao trong việc đổi mới giáo dục, không những thể hiện trên quan điểm mà còn đề ra mục tiêu và một số giải pháp phát triển giáo dục.
- Phương thức quản lý giáo dục lấy cơ sở làm trung tâm, cùng với cơ chế tự quản, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhân sự và tài chính. Mở ra cho nhà trường hướng đi thông thoáng, năng động, có trách nhiệm trong việc xây dựng định hướng phát triển nhà trường.
- Tận dụng tính đổi mới và sáng tạo của cơ sở giáo dục cộng với thực hiện quyền tập trung dân chủ cao độ là động lực quan trọng giúp cho cơ sở giáo dục có một sức mạnh để phát triển nhà trường.

1.2. Khó khăn

Phương thức quản lý lấy cơ sở làm trung tâm tạo ra những thách thức cho cán bộ quản lý nhà trường.

2. Kinh tế

2.1. Thuận lợi

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và xu thế toàn cầu hóa tạo ra những cơ hội:

- Thúc đẩy nhanh phát triển giáo dục; trang thiết bị dạy học, cơ sở vật chất ngày càng được hoàn thiện và hiện đại, đáp ứng các yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.
- Mọi người có cơ hội phát triển và đóng góp như nhau, phát huy được tính sáng tạo của mỗi thành viên trong hội đồng sư phạm nhà trường.
- Khả năng đóng góp của xã hội cho sự nghiệp giáo dục cao hơn.

2.2. Khó khăn

- Yêu cầu về trang thiết bị, cơ sở vật chất, nhân lực phục vụ cho giáo dục thì nhiều nhưng kinh phí thì có hạn.
- Năng lực và khả năng hợp tác của mỗi người khác nhau tùy thuộc nhiều yếu tố.
- Lãnh đạo nhà trường gặp nhiều khó khăn trong việc thực hiện chế độ bồi dưỡng, chi hỗ trợ cho giáo viên, nhân viên khi thực hiện các công việc phục vụ cho công tác dạy và học. Hiện nội dung những công việc đó không có quy định trong văn bản hiện hành.

3. Văn hóa

3.1. Thuận lợi

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên đại đa số thân thiện, đoàn kết, có ý thức xây dựng nhà trường, luôn có tinh thần hợp tác và tin cậy lẫn nhau.
- Đội ngũ cán bộ, giáo viên có ý thức cầu tiến, vươn lên và mong muốn được đổi mới để phát triển nhà trường.
- Đội ngũ biết tôn trọng lẫn nhau và luôn hướng về giá trị đích thực; giản dị trong sinh hoạt, trung thực, thẳng thắn trong công việc, nói và làm gắn liền với thực tiễn.
- Ý thức tốt việc xây dựng nền nếp, tác phong, kỷ luật. Lãnh đạo nhà trường đã quan tâm đến các mối quan hệ thân thiện giữa người với người và con người với môi trường.

3.2. Khó khăn

- Ảnh hưởng tiêu cực bên ngoài xã hội đã tác động vào nhà trường gây khó khăn trong việc hình thành nếp sống văn hóa cho học sinh.
- Nhận thức và hành động của các thành viên trong nhà trường còn nhiều khoảng cách nên đã tạo ra những khó khăn cho việc xây dựng một nếp sống văn hóa nhà trường.

4. Xã hội

4.1. Thuận lợi

- Dư luận xã hội đồng tình với quan điểm của nhà trường trong việc xây dựng phong trào “Dân chủ - Kỷ cương - Tình thương - Trách nhiệm”;
- Sự phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội đã nâng cao hiệu quả giáo dục và thúc đẩy khả năng hợp tác, cải thiện mạnh mẽ văn hóa ứng xử, giao tiếp trong nhà trường.

4.2. Khó khăn

- Sự phát triển của công nghệ thông tin và mặt trái của nó ảnh hưởng không nhỏ đến một bộ phận học sinh làm ảnh hưởng nặng nề đến chất lượng học tập, rèn luyện và sức khỏe của học sinh.

III. KẾT LUẬN CHUNG

Qua phân tích môi trường bên trong và môi trường bên ngoài, trường THCS Định An nhận thấy:

1. Về thời cơ

- Có sự tín nhiệm cao của học sinh và sự tin tưởng của cha mẹ học sinh.
- Đội ngũ giáo viên phần lớn tay nghề vững vàng, được đào tạo cơ bản, có năng lực chuyên môn, kỹ năng sư phạm tốt và có tinh thần ham học hỏi.
- Học sinh nhìn chung chăm ngoan, có ý thức trong học tập.
- Nhà trường đạt được những thành tích rất đáng khích lệ, chính quyền các cấp, cha mẹ học sinh và nhân dân đánh giá cao, trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của các cấp ủy Đảng và Chính quyền địa phương.
- Khoa học công nghệ phát triển nhanh chóng, đặc biệt là công nghệ thông tin.

2. Thách thức

- Yêu cầu ngày càng cao về chất lượng giáo dục của cha mẹ học sinh và xã hội trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.
- Cán bộ quản lý và đội ngũ giáo viên phải đáp ứng được yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện của nền giáo dục.
- Duy trì việc ứng dụng công nghệ thông tin, AI trong giảng dạy một cách thường xuyên, vận dụng trình độ ngoại ngữ, khả năng sáng tạo và lòng khát khao cống hiến của giáo viên, nhân viên.
- Học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn, phải đáp ứng kỳ vọng của nhân dân và của xã hội.
- Môi trường giáo dục, văn hóa, đời sống, lối sống của một bộ phận không nhỏ của thanh thiếu niên và người lớn ngoài xã hội tiềm ẩn nhiều yếu tố tiêu cực, trình độ dân

trí của một bộ phận cha mẹ học sinh còn thấp chưa quan tâm đúng mức đến việc học tập và rèn luyện của con em.

3. Đánh giá những mặt đạt được và những mặt chưa đạt được trong thực hiện chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2020 - 2025

3.1. Những mặt đạt được

- Hiệu quả giáo dục ổn định qua các năm học. Hàng năm trên 98% học sinh lớp 9 tốt nghiệp THCS
- Quy mô trường, lớp đáp ứng được nhu cầu dạy và học.
- Cơ sở vật chất được đầu tư khang trang, môi trường dạy học được cải thiện, trang thiết bị dạy học cơ bản đáp ứng được các yêu cầu tối thiểu cho việc đổi mới phương pháp dạy học.
- Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên đoàn kết, quan tâm chăm lo cho học sinh; cố gắng để đổi mới phương pháp dạy học, đã chú trọng nhiều đến thực hành (Lý, Hóa, Sinh), hưởng ứng tích cực phong trào xây dựng “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”.
- Phối hợp khá hiệu quả ba môi trường giáo dục nhà trường, gia đình và xã hội.
- Công khai, minh bạch và sử dụng nguồn lực có hiệu quả, đặc biệt là nguồn tài lực, thu, chi cụ thể, rõ ràng, đúng quy định của pháp luật, trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.
- Cán bộ quản lý và đội ngũ giáo viên cốt cán của nhà trường có trách nhiệm, tâm huyết, có ý thức cầu tiến, mong muốn được đổi mới để phát triển nhà trường.
- Các đoàn thể phối hợp chặt chẽ và hỗ trợ tích cực cho nhà trường trong công tác giáo dục học sinh.

3.2. Những nội dung chưa đạt được và nguyên nhân

3.2.1. Một số nội dung chưa đạt được

a) Về học sinh

- Một số học sinh chưa chủ động, chưa thực sự cố gắng trong học tập, chưa có phương pháp học tập thích hợp, nên kết quả học tập chưa cao, hàng năm còn có học sinh thi lại và lưu ban.

b) Về đội ngũ giáo viên

- Một số giáo viên chưa quan tâm, chưa chủ động trong việc tiếp cận và sử dụng hay bổ sung hợp lý các phương tiện, trang thiết bị và công nghệ thông tin trong dạy học.

c) Nhân viên

- Khả năng hợp tác, phối hợp trong công việc còn hạn chế vì mỗi người một chuyên môn riêng, nên chỉ phối hợp, giúp đỡ nhau trong một số công việc cụ thể đơn giản.

d) Cán bộ quản lý và cán bộ chủ chốt

- Việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học còn hạn chế do tổ chuyên môn là tổ ghép.

e) Về cơ sở vật chất, trang thiết bị

- Các thiết bị dạy học theo chương trình GDPT 2018 còn hạn chế

- Giáo viên chưa khai thác hết công năng của các thiết bị hiện có để phục vụ công tác dạy và học.

3.2.2. Một số nguyên nhân

- Một số giáo viên chỉ tập trung vào truyền thụ kiến thức mà chưa chú trọng đến việc thông qua dạy chữ để dạy người. Vì vậy, hiệu quả rèn luyện hạnh kiểm và kỹ năng sống cho học sinh còn hạn chế.

- Một bộ phận phụ huynh chưa thực sự quan tâm đến việc học tập của con em, hầu như giao hẳn cho nhà trường; ảnh hưởng của mạng xã hội tác động đến tâm lý của học sinh.

4. Các nội dung chủ yếu và nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường trong giai đoạn 2026 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2035

- Nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức của đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên; giáo dục thái độ, động cơ học tập cho học sinh.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, AI trong các hoạt động của nhà trường như:

+ Giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh.

+ Quản lý học sinh, đánh giá học tập và rèn luyện.

+ Quản lý nhân sự.

+ Quản lý tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, thiết bị, ...

- Đẩy mạnh việc đổi mới phương pháp giảng dạy của giáo viên và phương pháp học tập của học sinh. Tăng cường công tác hỗ trợ, tư vấn của giáo viên cho học sinh.

- Tăng cường quản lý chuyên môn, nghiệp vụ đầu tư và phát triển công tác chuyên môn cho toàn trường.

- Tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả đào tạo học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, rèn luyện kỹ năng giao tiếp, ứng xử cho các học sinh trong nhà trường.

- Tăng cường đầu tư cho cơ sở vật chất, cải tạo sân chơi bãi tập, xây dựng môi trường sư phạm văn minh, lịch sự.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Công đoàn, Đội thiếu niên và Chi đoàn giáo viên.

- Xây dựng nét đặc trưng truyền thống của nhà trường.

- Đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của mỗi học sinh.
- Tăng cường nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và nhân viên, tạo điều kiện để giáo viên học tập nâng cao trình độ đạt chuẩn theo quy định. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
- Chú trọng ứng dụng CNTT trong công tác quản lý.
- Quan tâm công tác xã hội hóa giáo dục, chú trọng huy động các nguồn lực xã hội để đầu tư phát triển nhà trường và hỗ trợ học sinh học tập tốt.

IV. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

1. Sứ mệnh

Xây dựng được môi trường học tập chất lượng và nhân văn. Tạo môi trường tốt nhất để mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng, tư duy sáng tạo, phát huy tiềm lực vốn có của mình. Xây dựng văn hóa giáo dục hiện đại mang đậm bản sắc dân tộc.

2. Tầm nhìn

Trở thành một ngôi trường có chất lượng cao, tạo ra những học sinh tốt về đạo đức, giỏi về trí lực, mạnh khỏe về thể chất, có kỹ năng sống tốt, đáp ứng cho việc tiếp tục học lên các lớp trên hoặc đi vào cuộc sống; là nơi học sinh có thể tin tưởng, lựa chọn để học tập và rèn luyện và là nơi để giáo viên luôn có khát vọng vươn lên.

3. Giá trị cốt lõi

- Lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc;
- Lòng nhân ái, lòng tự trọng;
- Đoàn kết, trung thực;
- Sự hợp tác, tinh thần trách nhiệm;
- Tính sáng tạo, khát vọng vươn lên;
- Tính kiên trì;
- Năng động;
- Hòa nhập.

V. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

1. Mục tiêu chung

- Xây dựng đội ngũ giáo viên vững về chuyên môn, giỏi về nghiệp vụ; thống nhất trong tư tưởng và hành động; tự tin, nhạy bén, linh hoạt, có tâm huyết với nghề, yêu trường, yêu lớp và đáp ứng được yêu cầu phát triển, đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trên tất cả các mặt Đức - Trí - Thể - Mỹ; chú trọng giáo dục các giá trị trung thực, tự tin, có khát vọng vươn lên, nhạy bén, thích nghi với mọi hoàn cảnh; biết tôn trọng, biết lắng nghe và bày tỏ chính kiến của mình.
- Xây dựng môi trường sư phạm thân thiện, có cơ sở vật chất đầy đủ để đáp ứng nhu cầu dạy và học; tạo lập mối quan hệ thân thiện giữa thầy và trò, giữa nhà trường và cha mẹ học sinh.
- Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, trở thành một trong những trường tiên tiến, hiện đại, góp phần thúc đẩy nền giáo dục phát triển nhanh, mạnh, bền vững hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

2. Mục tiêu cụ thể

1. Đội ngũ cán bộ, giáo viên

- Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đánh giá khá, giỏi trên 80%.
- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên sử dụng thành thạo máy tính, truy cập, khai thác có hiệu quả cổng thông tin điện tử của Ngành và Website của nhà trường.
- Sử dụng công nghệ thông tin có hiệu quả.
- Có khả năng sử dụng AI để phục vụ cho công tác quản lý và giảng dạy

2. Học sinh

- Qui mô: Trường hạng II
- Có năng lực số, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, AI phù hợp với từng cấp học.

Cấp THCS

- Kết quả học tập:
 - + Số học sinh xếp loại Tốt đạt từ 15% trở lên;
 - + Số học sinh xếp loại Khá đạt từ 40% trở lên;
 - + Số học sinh xếp loại Chưa đạt không quá 2%;
 - + Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 100%
 - + Hàng năm có học sinh giỏi cấp Thành phố
- Kết quả rèn luyện:
 - + Số học sinh xếp hạnh kiểm Khá, Tốt từ 99% trở lên;
- Tỷ lệ học sinh bỏ học không quá 1%.

Cấp Tiểu học

- Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học hàng năm từ 98% trở lên
- Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học hàng năm đạt 100%

3. Cơ sở vật chất

- Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp khuôn viên trường tạo cảnh quan sư phạm với môi trường “Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn”.
- Bổ sung trang thiết bị phục vụ dạy học, thực hiện tốt công tác kiểm định chất lượng giáo dục
- Xây dựng thư viện đạt chuẩn theo thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT.
- Xây dựng được thư viện số trong nhà trường

TT	Các mục tiêu	2025-2026	2026-2027	2027-2028	2028-2029	2029-2030
1	Mỗi lớp có một phòng học riêng biệt	100%	100%	100%	100%	100%
2	CSVC phục vụ giảng dạy, học tập	70%	80%	90%	100%	100%
3	Số giáo viên thực hiện tốt đổi mới chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa mới	100%	100%	100%	100%	100%
4	Số giáo viên có trình độ đạt chuẩn	95%	97%	100%	100%	100%
5	Thư viện đạt chuẩn	x	x	x	x	x
6	Thư viện số				x	x
7	HS tích cực tham gia các hoạt động chính khóa và ngoại khóa	100%	100%	100%	100%	100%
8	Tính chuyên nghiệp trong hoạt động của tổ bộ môn	90%	100%	100%	100%	100%
9	Số GV tập huấn về kỹ năng hỗ trợ, hướng dẫn nghiệp vụ	100%	100%	100%	100%	100%

VI. CÁC GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC

- Thực hiện kế hoạch giảng dạy, đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh
 - Tổ chức rà soát, điều chỉnh **kế hoạch giáo dục nhà trường hằng năm** bảo đảm bám sát Chương trình GDPT 2018, phù hợp điều kiện thực tế của nhà trường và đối tượng học sinh.
 - Chỉ đạo các tổ chuyên môn:
 - Xây dựng kế hoạch dạy học theo **chủ đề, bài học phát triển năng lực**, tăng cường tính liên môn, tích hợp.

- Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng **lấy học sinh làm trung tâm**, áp dụng các phương pháp: dạy học dự án, dạy học trải nghiệm, STEM, lớp học đảo ngược...
 - Tăng cường sinh hoạt chuyên môn theo hướng:
 - Nghiên cứu bài học
 - Chia sẻ thực tiễn đổi mới phương pháp dạy học
 - Đổi mới kiểm tra, đánh giá:
 - Kết hợp đánh giá thường xuyên – đánh giá định kỳ
 - Tăng cường đánh giá bằng nhận xét, hồ sơ học tập, sản phẩm học tập
 - Sử dụng rubrics đánh giá năng lực học sinh
2. Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý nhà trường, nâng cao chất lượng giảng dạy và phát triển đội ngũ
- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nâng cao năng lực cho **cán bộ quản lý** theo chuẩn Hiệu trưởng, chú trọng:
 - Quản trị nhà trường hiện đại
 - Quản trị nhân sự
 - Quản trị chất lượng và chuyển đổi số
 - Thực hiện phân công, phân nhiệm rõ ràng, phát huy vai trò trách nhiệm của từng cá nhân; tăng cường phân cấp, giao quyền gắn với kiểm tra, giám sát.
 - Xây dựng **kế hoạch phát triển đội ngũ giáo viên** theo từng giai đoạn:
 - Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ
 - Bồi dưỡng năng lực đổi mới phương pháp, ứng dụng CNTT
 - Tổ chức đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp một cách nghiêm túc, sử dụng kết quả đánh giá làm căn cứ:
 - Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng
 - Thi đua, khen thưởng
 - Khuyến khích giáo viên tham gia:
 - Hội thi giáo viên dạy giỏi
 - Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng
 - Chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn trong và ngoài nhà trường
 - Xây dựng môi trường làm việc dân chủ, đoàn kết, tạo động lực để giáo viên yên tâm công tác và cống hiến.

3. Xây dựng cơ sở vật chất, tăng cường trang thiết bị dạy học theo hướng đa dạng hóa và hiện đại hóa

☐ Khảo sát, đánh giá thực trạng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học để xây dựng **kế hoạch đầu tư trung hạn 5 năm**.

- Ưu tiên:

- Nâng cấp phòng học, phòng chức năng, phòng bộ môn
- Bổ sung thiết bị dạy học tối thiểu và thiết bị hiện đại phục vụ dạy học phát triển năng lực

- Từng bước xây dựng:

- Không gian học tập sáng tạo
- Thư viện thân thiện, thư viện số

- Tăng cường công tác quản lý, bảo quản và khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị hiện có.

- Thực hiện xã hội hóa phù hợp quy định pháp luật để bổ sung nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất.

4. Nâng cao chất lượng quản lý nhà trường bằng công nghệ thông tin

- Ứng dụng CNTT trong:

- Quản lý hồ sơ cán bộ, giáo viên, học sinh
- Quản lý điểm, học bạ điện tử
- Quản lý kế hoạch dạy học, thời khóa biểu

- Sử dụng các phần mềm quản lý trường học, hệ thống LMS phục vụ dạy học.

- Tổ chức bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

- Tăng cường sử dụng các kênh thông tin số để trao đổi, điều hành, công khai minh bạch hoạt động nhà trường.

5. Thực hiện hiệu quả chính sách giáo dục, huy động các nguồn lực tài chính, xã hội hóa giáo dục

- Thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục, phát huy nguồn lực huy động từ các tổ chức, cá nhân.

6. Tăng cường mối quan hệ giữa nhà trường - gia đình - xã hội, tăng cường giao lưu học hỏi, hợp tác với các trường trong khu vực.

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các chế độ, chính sách của Nhà nước đối với học sinh, giáo viên và nhà trường.

- Quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn kinh phí được cấp, bảo đảm công khai, minh bạch.
- Xây dựng kế hoạch huy động nguồn lực xã hội hóa:
 - Phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh
 - Kết nối các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn
- Sử dụng nguồn lực xã hội hóa đúng mục đích:
 - Hỗ trợ học sinh khó khăn
 - Bổ sung trang thiết bị dạy học
 - Cải thiện môi trường giáo dục
- Thực hiện công khai tài chính theo đúng quy định, tạo sự đồng thuận và tin tưởng của phụ huynh, xã hội.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổ chức theo dõi, kiểm tra đánh giá việc thực hiện

1.1. Nhà trường

- Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Kế hoạch chiến lược gồm: Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch công đoàn, Thư ký hội đồng, Bí thư chi đoàn, Tổng phụ trách Đội thiếu niên, Tổ trưởng chuyên môn.
- Ban chỉ đạo chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.
- Triển khai Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường rộng rãi đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh, học sinh và các tổ chức cá nhân có liên quan đến nhà trường.
- Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả, sơ kết công tác triển khai thực hiện qua từng năm học, từng giai đoạn, rút ra bài học kinh nghiệm, để từ đó điều chỉnh Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường cho phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.

1.2. Lộ trình thực hiện: 2 giai đoạn

- Giai đoạn 1: Từ năm 2026 đến 2028.
- Giai đoạn 2: Từ năm 2028 đến 2030.

1.3. Nhiệm vụ cụ thể của Ban Chỉ đạo

1.3.1. Hiệu trưởng

- Trưởng ban chịu trách nhiệm điều hành và chỉ đạo thực hiện.
- Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch chiến lược đến từng cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá triển khai, thực hiện Kế hoạch từng năm học, từng giai đoạn.

- Chỉ đạo kiểm tra, sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học để đáp ứng nhu cầu dạy và học; vệ sinh trường, lớp, chăm sóc cây cảnh tạo môi trường sạch sẽ, thoáng mát an toàn, thân thiện

1.3.2. Phó Hiệu trưởng

- Phó ban, theo dõi chỉ đạo kiểm tra, đánh giá các mặt hoạt động dạy và học; chỉ đạo công tác bồi dưỡng năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên, xây dựng các nội dung hoạt động của tổ chuyên môn. Lập kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu và theo dõi đôn đốc thực hiện, tổ chức các hội thảo chuyên đề theo quy định.

1.3.4. Thư ký Hội đồng

- Hỗ trợ các phó ban thiết lập hồ sơ theo dõi, sơ kết, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm, tham mưu, đề xuất các nội dung của kế hoạch. Thông báo các thông tin cần thiết cho hội đồng sư phạm.

1.3.5. Chủ tịch Công đoàn

- Chỉ đạo hoạt động của các tổ Công đoàn thực hiện có hiệu quả Kế hoạch; giúp đỡ, hỗ trợ và giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, xem xét đánh giá thi đua và đề xuất khen thưởng cuối năm, cuối giai đoạn. Chú trọng vào các hoạt động “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”.

1.3.6. Bí thư Đoàn – tổng phụ trách đội

- Xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm, phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, cha mẹ học sinh để quản lý học sinh. Rèn luyện, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, duy trì hoạt động các câu lạc bộ ATGT, thành lập đội văn nghệ xung kích, tạo ra những sân chơi bổ ích khác cho học sinh.

1.3.7. Tổ trưởng chuyên môn

- Xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ, chú trọng các biện pháp để hỗ trợ chuyên môn, nghiệp vụ cho các thành viên trong tổ; đẩy mạnh các hoạt động đổi mới phương pháp giảng dạy, tích cực áp dụng triệt để các phương tiện, thiết bị vào trong giảng dạy, chỉ đạo kiểm tra, đánh giá, phân loại giáo viên, nâng cao chất lượng của bộ môn.

1.3.8. Tổ Văn phòng

- Xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ, chú trọng các biện pháp để đổi mới nâng cao chất lượng phục vụ hoạt động dạy và học, phục vụ nhân dân; có kế hoạch quản lý hồ sơ, sổ sách khoa học; nâng cao chất lượng công tác phục vụ đáp ứng nhu cầu đổi mới của nhà trường.

1.3.9. Tổ trưởng Công đoàn

- Phối hợp với Tổ trưởng bộ môn, động viên đội ngũ tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy; mạnh dạn đề xuất các ý tưởng đổi mới sáng tạo, đề xuất khen thưởng các cá nhân điển hình tiên tiến của tổ.

1.3.10. Giáo viên chủ nhiệm

- Phối hợp chặt chẽ ba môi trường nhà trường - gia đình - xã hội để giáo dục và rèn luyện hạnh kiểm cho học sinh; tổ chức và hưởng ứng các phong trào thi đua, tổ chức các hoạt động để giáo dục kỹ năng sống cho học sinh; thường xuyên bám lớp, theo dõi để giúp đỡ, hỗ trợ những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, những học sinh nghèo vượt khó trong học tập và rèn luyện.

2. Phương thức kiểm tra, đánh giá

2.1. Cơ sở pháp lý

Dựa trên các văn bản pháp quy hiện hành, đồng thời thường xuyên cập nhật kịp thời các văn bản mới có hiệu lực để điều chỉnh kế hoạch hoạt động của trường cho đúng quy định của pháp luật, cụ thể:

- Luật giáo dục năm 2019 (Luật số 43/2019/QH14, ban hành ngày 14/06/2019).

- Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10/12/2024 của Bộ GDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT

2.2. Giải pháp

- Sau mỗi năm học tổ chức kiểm tra, đánh giá lại các chỉ tiêu của Kế hoạch, điều chỉnh các giải pháp để tiếp tục triển khai, thực hiện để Kế hoạch đạt được kết quả như đã đề ra.

- Cuối năm 2028 tổ chức sơ kết giai đoạn 1, xem xét đánh giá những mặt đạt được, những hạn chế, nguyên nhân hạn chế, rút ra bài học kinh nghiệm, điều chỉnh các giải pháp cho phù hợp tình hình thực tế của nhà trường.

3. Các cơ sở đánh giá hiệu quả thực hiện kế hoạch

3.1. Đối với học sinh

- Căn cứ kết quả học tập, rèn luyện của học sinh cuối năm; kết quả tốt nghiệp THCS và kết quả đạt giải các hội thi, cuộc thi để đánh giá;

- Căn cứ kết quả hoạt động phong trào của các cá nhân, các tập thể; hiệu quả của các hoạt động ngoại khóa, trò chơi dân gian, trò chơi khoa học và các hoạt động Văn - Thể - Mỹ.

3.2. Đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên

- Các hoạt động thực tiễn của giáo viên trong suốt năm học như kết quả thao giảng, kết quả bồi dưỡng học sinh giỏi, kết quả phụ đạo học sinh yếu, kém, kết quả học tập của các lớp được phân công phụ trách.
- Kết quả tham gia các cuộc thi, hội thi, kết quả sáng kiến, kết quả các hoạt động ngoại khóa của tổ chuyên môn, của nhà trường.
- Kết quả tham gia các phong trào của các đoàn thể.
- Kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức và kết quả thi đua cuối mỗi năm học.

Trên đây là Kế hoạch chiến lược để phát triển trường TH-THCS Định An giai đoạn 2026 - 2030, nhà trường yêu cầu cán bộ, giáo viên và học sinh của nhà trường thực hiện kế hoạch có hiệu quả. Trong quá thực hiện kế hoạch có nội dung nào còn vướng mắc đề nghị phản ánh về Ban Chỉ đạo để giải quyết./.

HIỆU TRƯỞNG

DUYỆT CỦA UBND XÃ DẦU TIẾNG

Dầu Tiếng, ngày tháng năm 20.....

Nguyễn Đức Hậu